

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

Chương I: SỐ HỮU TỈ

BÀI 1: TẬP HỢP CÁC SỐ HỮU TỈ

(số tiết thực hiện: ... tiết)

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.
- Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.
- Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.
- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.

2.Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

*** Năng lực đặc thù:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Biểu diễn được một số hữu tỉ trên trục số.
- So sánh được hai số hữu tỉ.
- Viết được một số hữu tỉ bằng nhiều phân số bằng nhau.

3.Phẩm chất

- Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.
- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 - GV: SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, thước thẳng có chia khoảng, tivi

2 - HS: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a) Mục tiêu:

- HS ôn lại các tập hợp số đã học.
- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS quan sát bảng nhiệt độ ở các trạm đo Pha Đin, Mộc Châu, Đồng Văn, Sa Pa, đọc nhiệt độ tại các trạm đo đó và trả lời câu hỏi đặt ra.

- GV dẫn dắt, đặt vấn đề:

+ “ Chúng ta đã được học những tập hợp số nào?”

GV chiếu slide bản đồ minh họa các tập hợp số đã học:

+ “ Phép cộng, phép trừ, phép nhân hai số nguyên có kết quả là một số nguyên. Theo em, kết quả của phép chia số nguyên a cho số nguyên b ($b \neq 0$) có phải là một số nguyên không?”

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để trả lời được câu hỏi trên, cũng như hiểu rõ hơn về tập hợp các số hữu tỉ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay”.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Số hữu tỉ

a) Mục tiêu:

- Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ
- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về số hữu tỉ thông qua việc viết các số đã cho dưới dạng một phân số.

b) Nội dung:

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức HĐKP1, Thực hành 1, Vận dụng 1 theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS. Kết quả của HS được viết vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, thực hiện HĐKP1 viết các số vào vở. - HS trả lời, cả lớp nhận xét, GV đánh giá, dẫn dắt, chốt lại kiến thức khái niệm số hữu tỉ. 1-2 HS đọc phần kiến thức trọng tâm. - GV yêu cầu đọc Ví dụ 1, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Có thể viết bao nhiêu phân số bằng các số đã cho? - GV dẫn dắt để HS rút ra nhận xét: + Có vô số phân số bằng các phân số đã cho. + Các phân số bằng nhau là các cách viết	I. Số hữu tỉ HĐKP1: Viết các số sau dưới dạng phân số $-3 = \frac{-3}{10}; 0,5 = \frac{5}{10}; 2\frac{3}{7} = \frac{17}{7}$ <u>Kết luận:</u> Số hữu tỉ là số được viết dưới dạng $\frac{a}{b}$ phân số $\frac{a}{b}$, với $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$ Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là $\mathbb{Q}$ <u>Nhận xét:</u> Mỗi số nguyên là một số hữu tỉ.

khác nhau của cùng một số hữu tỉ.- GV lưu ý HS kí hiệu tập hợp số hữu tỉ là .

- GV đặt vấn đề:

Vậy số nguyên có phải là một số hữu tỉ không?

HS trao đổi và rút ra nhận xét như trong SGK.

- GV cho HS HĐ cặp đôi hỏi đáp Thực hành 1. HS viết được các số đã cho dưới dạng phân số và giải thích được vì sao các số đó là các số hữu tỉ)

HS nhận xét, GV đánh giá

- GV hướng dẫn HS tự vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn thông qua việc viết số đo các đại lượng đã cho dưới dạng với để hoàn thành Vận dụng 1.

HS viết và trình bày kết quả vào vở theo yêu cầu.

Lớp nhận xét, GV sửa bài chung trước lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.

- GV: quan sát và trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Hoạt động nhóm đôi: Hai bạn cùng bạn giơ tay phát biểu, trình bày miệng. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung
- Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các khái niệm số hữu tỉ, kí hiệu và lưu ý.

Thực hành 1: Các số $-5; 0; -0,41; 2\frac{5}{9}$
Các số đã cho đều là số hữu tỉ vì mỗi số đều viết được dưới dạng phân số

$$-5 = \frac{-5}{1}; 0 = \frac{0}{1}; -0,41 = \frac{-41}{100}; 2\frac{5}{9} = \frac{23}{9}$$

Luyện tập 1 (SGK trang 6)

Các số : $21; -12; -\frac{7}{9}; -4,7; 0,35$ là các số hữu tỉ vì

$$21 = \frac{21}{1}; -12 = \frac{-12}{1}; -\frac{7}{9} = \frac{-7}{9};$$

$$-4,7 = \frac{-47}{10}; -3,05 = \frac{-305}{100}$$

***chú ý:** - Mỗi số nguyên là một số hữu tỉ

-Các phân số bằng nhau cùng biểu diễn một số hữu tỉ

VD: vì $-\frac{7}{9} = \frac{14}{18}$ nên hai phân số $-\frac{7}{9}$ và $\frac{14}{18}$ cùng biểu diễn một số hữu tỉ

Hoạt động 2: Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số

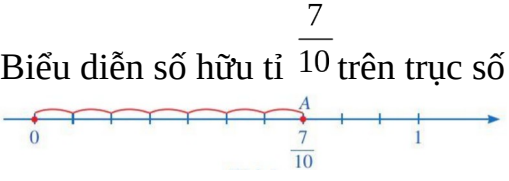
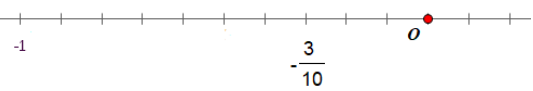
a) Mục tiêu:

- Qua việc ôn lại cách biểu diễn số nguyên trên trục số, HS có cơ hội trải nghiệm để biết cách biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức HĐKP3, Thực hành 3 theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS. Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS biểu diễn số nguyên 1 trên trục số. Sau khi chữa bài, GV chia đoạn từ điểm 0 đến điểm 1 thành hai phần bằng nhau và kết luận: điểm chia đôi đó biểu diễn số $\frac{1}{2}$ → GV khẳng định: Tương tự như đối với số nguyên, ta có thể biểu diễn mọi số hữu tỉ trên trục số, điểm biểu diễn số hữu tỉ a được gọi là điểm a. - GV yêu cầu HS đọc, thảo luận nhóm đôi về cách biểu diễn số hữu tỉ $\frac{7}{10}$ trên trục số và biểu diễn theo các bước hoàn thành HĐ2. → GV ghi lên bảng, thực hiện theo từng bước, viết đến đâu giải thích đến đó. HS quan sát GV thực hiện rồi ghi vào vở. - GV yêu cầu HS đọc, thảo luận, trao đổi hỏi đáp nhóm Ví dụ 2, Ví dụ 3 để hiểu kiến thức. - HS trao đổi nhóm thực hành nhận biết các điểm đã cho trên trục số biểu diễn các số hữu tỉ nào và mỗi HS tự thực hiện việc biểu diễn các số hữu tỉ trên trục số thông qua việc hoàn thành Luyện tập 2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án. - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày	2. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số *HĐKP2. Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{7}{10}$ trên trục số  - <u>Nhận xét:</u> $\frac{14}{10} = \frac{7}{5}$ - Vì $\frac{14}{10} = \frac{7}{5}$ nên điểm A cũng là điểm biểu diễn số hữu tỉ $\frac{14}{20}$ trên trục số. <u>Kết luận</u> + Trên trục số, mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một điểm. Điểm biểu diễn số hữu tỉ a được gọi là điểm a. + Với hai số hữu tỉ bất kì a, b nếu $a < b$ thì trên trục số nằm ngang, điểm a ở bên trái điểm b. Luyện tập 2: Biểu diễn các số hữu tỉ: -0,3 trên trục số 

- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.

Hoạt động 3: Số đối của một số hữu tỉ

a) Mục tiêu:

- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm nhận biết số đối của một số hữu tỉ.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức HĐKP4, Thực hành 4 theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành HĐKP3. - HS trả lời, lớp nhận xét, GV đánh giá: GV cần lưu ý cho HS về số đối của hỗn số: Số đối của a là $-a$. - GV dẫn dắt, chốt kiến thức, HS phát biểu khung kiến thức trọng tâm. - HS thực hành tìm số đối của mỗi số hữu tỉ và vận dụng kỹ năng tổng hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến số hữu tỉ thông qua việc hoàn thành Thực hành 4. - HS phát biểu, các HS khác nghe, nhận xét; GV đánh giá mức độ hiểu bài của HS. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án. - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.	3. Số đối của một số hữu tỉ $\frac{-5}{4}$ và $\frac{5}{4}$ HĐKP3: Điểm $\frac{-5}{4}$ và $\frac{5}{4}$ trên trục số cách đều và nằm về hai phía điểm gốc O. + Hai số hữu tỉ có điểm biểu diễn trên trục số cách đều và nằm về hai phía điểm gốc O là hai số đối nhau, số này là số đối của số kia. + Số đối của số hữu tỉ a kí hiệu là $-a$. * Nhận xét: a) Mọi số hữu tỉ đều có một số đối. b) Số đối của số 0 là số 0. c) Số đối của a là $-(-a) = a$ Thực hành 4: Tìm số đối của mỗi số sau: $1, 3; \frac{-5}{7}$ Số đối của 1,3 là -1,3 Số đối của $\frac{-5}{7}$ là $-\left(\frac{-5}{7}\right) = -\left(\frac{-5}{7}\right) = \frac{5}{7}$ Luyện tập 3 : SGK/8 Số đối của $\frac{2}{9}$ là $-\frac{2}{9}$ Số đối của -0,5 là 0,5

Hoạt động 4: So sánh các số hữu tỉ

a) Mục tiêu:

- Giúp HS so sánh được hai số hữu tỉ.
- HS biết sử dụng phân số để so sánh hai số hữu tỉ.

b) Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức HĐKP2, Thực hành 2 theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS. Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS nhắc lại khái niệm về số nguyên dương, số nguyên âm, sau đó hướng dẫn HS ghi nhớ khái niệm số hữu tỉ dương, số hữu tỉ âm. GV nhấn mạnh thêm: Số hữu tỉ 0 không là số hữu tỉ dương, cũng không là số hữu tỉ âm và tính chất nếu $a < b$, $b < c$ thì $a < c$. - GV yêu cầu học sinh đọc phần so sánh hai số hữu tỉ trong SGK ra kết luận về so sánh 2 số hữu tỉ. - GV yêu cầu học sinh đọc phần so sánh hai số hữu tỉ trong SGK ra kết luận về so sánh 2 số hữu tỉ. (Trên cơ sở HS đã biết so sánh hai phân số, hai số thập phân, GV hướng dẫn HS: Để so sánh hai số hữu tỉ, ta viết chúng về cùng dạng phân số (hoặc cùng dạng số thập phân) rồi so sánh chúng.) GV phân tích, lấy VD để HS hiểu rõ hơn sau đó yêu cầu HS lấy VD tương tự để kiểm tra mức độ hiểu bài của HS. - GV yêu cầu học sinh nhắc lại cách so sánh hai phân số và cách so sánh 2 số thập phân. → HS trả lời, lớp nhận xét, GV đánh giá. - GV cho học sinh đọc và thảo luận HĐ4 để rút ra cách so sánh 2 số hữu tỉ. → HS trả lời, lớp nhận xét, GV đánh giá và rút	4. So sánh các số hữu tỉ a) So sánh hai số hữu tỉ Kết luận + Với hai số hữu tỉ bất kì a, b ta luôn có: hoặc $a = b$ hoặc $a < b$ hoặc $a > b$. + Số hữu tỉ lớn hơn 0 gọi là số hữu tỉ dương. + Số hữu tỉ nhỏ hơn 0 gọi là số hữu tỉ âm. Số hữu tỉ 0 không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm. b) cách so sánh hai số hữu tỉ HĐ4: (SGK – tr9) Nhận xét + Khi hai số hữu tỉ cùng là phân số hoặc cùng là số thập phân, ta so sánh chúng theo những quy tắc đã biết ở lớp 6 + Để so sánh hai số hữu tỉ, ta viết chúng về cùng dạng phân số hoặc cùng dạng số thập phân rồi so sánh chúng Luyện tập 4.

ra nhận xét.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.
- GV: quan sát và trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày
- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.

3. Minh họa trên trục số

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS đọc hiểu, trao đổi nhóm đôi thực hiện yêu cầu của **HD5** để rút ra nhận xét về vị trí của điểm a so với điểm b trên trục số.
- GV phân tích kiến thức để HS hiểu rõ về vị trí của hai điểm để so sánh hai số trên trục số.
- GV yêu cầu HS tự đọc hiểu và hoàn thành Ví dụ 6 vào vở.
- GV mời 2 HS trình bày bảng. Cả lớp nhận xét. GV chốt đáp án và lưu ý lỗi sai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.
- GV: quan sát và trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày
- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.

a) Ta có: $-3,23 > -3,32$

$$-1,25 = \frac{-125}{100} = \frac{-5}{4} = \frac{-5.3}{4.3} = \frac{-15}{12}$$

b) Ta có:

$$\frac{-7}{3} = \frac{-7.4}{3.4} = \frac{-28}{12}$$

$$\begin{array}{r} \frac{-15}{12} > \frac{-28}{12} \\ \text{Do:} \end{array} \quad \begin{array}{r} -1,25 > \frac{-7}{3} \\ \text{nên ta có} \end{array}$$

3. Minh họa trên trục số

HD5:

Với $a < b$, vị trí điểm a nằm bên trái so với điểm b trên trục số đó.

⇒ Kết luận:

Khi so sánh hai số hữu tỉ, ta viết chúng ở dạng phân số có cùng mẫu số dương rồi so sánh hai tử số, tức so sánh hai số nguyên. Vì vậy, cũng như số nguyên, nếu $x < y$ hay $y > x$ thì điểm x nằm bên trái điểm y.

Tương tự, nếu $x < y$ hay $y > x$ thì điểm x nằm phía dưới điểm y trên trục số thẳng đứng.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.
b) **Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT1,2,3,4 sgk
c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1 : Hoàn thành BT1

- GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT1** (SGK – tr10) vào vở, sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.
- GV mời 2 HS trình bày giờ tay trình bày bảng.
- Các HS dưới lớp hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng.
- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

Nhiệm vụ 2 : Hoàn thành BT2,BT3

- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân **BT2,BT3** (SGK – tr10), sau đó trao đổi, kiểm tra chéo đáp án.
- GV mời đại diện 2-3 HS trình bày miệng. Các HS khác chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng và hoàn thành vở.
- GV chữa bài, lưu ý HS những lỗi sai.

Nhiệm vụ 3 : Hoàn thành BT4

- GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT4** theo nhóm.
- GV mời 2 HS trình bày bảng. Các HS hoàn thành vở và chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng.
- GV chữa bài, chốt lại đáp án, lưu ý HS các lỗi sai hay mắc.

Nhiệm vụ 4 : Hoàn thành BT5

- GV yêu cầu HS đọc đề và hoàn thành **BT5** theo cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.
- GV mời 2 HS trình bày bảng. Các HS khác nhận xét, sửa chữa, bổ sung.
- GV chữa bài, chốt lại đáp án, lưu ý HS các lỗi sai hay mắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.
- GV: quan sát và trợ giúp HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS lên bảng trình bày
- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV chốt lại câu trả lời của HS; nhận xét tinh thần tham gia HĐ trả lời của HS.
- GV có thể ghi điểm khá, giỏi cho HS trả lời đúng để khuyến khích học sinh (nếu cần).

Bài 1 : Các số 13 ; -29 ; $-2,1$; $2,28$; $-\frac{12}{18}$ đều là các số hữu tỉ vì:

$$13 = \frac{13}{1}; -29 = \frac{-29}{1}; -2,1 = \frac{-21}{10}$$

$$2,28 = \frac{57}{25}; -\frac{12}{18} = \frac{12}{18}$$

Bài 2: $21 \in Q; -7 \notin Q; \frac{5}{-7} \in Z; 0 \in Q; -7, 3 \in Q; 3\frac{2}{9} \in Q$

Bài 3 : Các phát biểu đúng là: a, b

Các phát biểu sai là: c, d, e, g

Bài 4: Điểm A, B, C, D lần lượt biểu diễn các phân số là: $\frac{-9}{7}; \frac{-3}{7}; \frac{2}{7}; \frac{6}{7}$

Bài 5: Số đối của các số $\frac{9}{25}; \frac{-8}{27}; \frac{-15}{31}; \frac{5}{-6}; 3, 9; -1, 25$ lần lượt là

$\frac{-9}{25}; \frac{8}{27}; \frac{15}{31}; \frac{5}{6}; -3, 9; 1, 25$

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.
- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về độ cao của bốn rãnh đại dương so với mực nước biển.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập Vận dụng

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chiếu Slide , tổ chức củng cố HS qua trò chơi trắc nghiệm.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là :

- A. Q B. N C. N^* D. R

Câu 2. Chọn câu đúng :

- A. $\frac{2}{3} \in Z$ B. $\frac{-5}{2} \notin Q$ C. $-9 \in Q$ D. $1, 2 \in Q$

Câu 3. Số nào sau đây là số hữu tỉ âm :

- A. $-\frac{12}{5}$ B. $-\frac{5}{8}$ C. $\frac{9}{7}$ D. $\frac{-2}{15}$

Câu 4. Với điều kiện nào của b thì phân số $\frac{a}{b}$, $a \in Z$ là số hữu tỉ.

A. $b \neq 0$ B. $b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$ C. $b \in \mathbb{Z}$ D. $b \in \mathbb{N}, b \neq 0$

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát và chú ý lắng nghe, giơ tay hoàn thành câu trắc nghiệm.

Bước 3: Báo cáo thảo luận:

- GV mời HS giơ tay trả lời các câu hỏi trong trò chơi trắc nghiệm.

Đáp án:

1. A	2. D	3. D	4. B
------	------	------	------

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV rút kinh nghiệm cho HS khi tham gia trò chơi.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập 6, 7 (SGK – tr11) và các bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “ **Bài 2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ**”.